

**Xây dựng đặc khu không rác thải nhựa ở Cô Tô:  
Thực tiễn và hàm ý chính sách cho kinh tế tuần hoàn**

*Nguyễn Thị Hòa*

*Viện Địa lý nhân văn và Phát triển bền vững*

***Tóm tắt:***

Bài viết phân tích lộ trình thực tiễn của Đặc khu Cô Tô trong việc tiên phong xây dựng mô hình “đặc khu không rác thải nhựa” thông qua triển khai quyết liệt Đề án 175. Từ tháng 9/2023, địa phương đã áp dụng quy định bắt buộc du khách và người dân không mang túi nilon và các sản phẩm nhựa dùng một lần ra đảo, tạo bước ngoặt quan trọng trong công tác quản lý môi trường biển đảo. Kết quả cho thấy sự vào cuộc đồng bộ của hệ thống chính trị cùng với sự tham gia tích cực của các hãng vận tải, doanh nghiệp du lịch và cộng đồng dân cư, tiêu biểu qua mô hình “Chiều thứ Năm xanh”, qua đó đưa tỷ lệ thu gom rác thải đạt trên 99% vào năm 2025.

Trên cơ sở thực tiễn này, bài viết đề xuất một số hàm ý chính sách nhằm thúc đẩy chuyển dịch sang kinh tế tuần hoàn, bao gồm: (1) ứng dụng công nghệ xử lý rác thải hiện đại theo hướng không phát thải tại đảo Cô Tô lớn và Thanh Lân; (2) chuyển đổi sang vật liệu thân thiện môi trường, đặc biệt là HDPE, trong nuôi biển bền vững; và (3) đẩy mạnh số hóa quản lý môi trường gắn với phát triển du lịch xanh, chất lượng cao. Qua đó, nghiên cứu khẳng định rằng giảm thiểu rác thải nhựa không chỉ là giải pháp môi trường mà còn là nền tảng quan trọng để xây dựng và định vị thương hiệu “Cô Tô – đặc khu biển đảo xanh, an toàn, hạnh phúc” trong bối cảnh phát triển mới.

***Từ khóa:*** *Cô Tô, đặc khu xanh, rác thải nhựa, kinh tế tuần hoàn, bảo tồn đa dạng sinh học biển.*

**BUILDING A PLASTIC WASTE-FREE SPECIAL ZONE IN CO TO:**

**PRACTICES AND POLICY IMPLICATIONS FOR A CIRCULAR ECONOMY**

***Abstract:***

This paper analyzes the practical roadmap of Co To Special Zone in pioneering the development of a “plastic waste-free zone” through the decisive implementation of Project 175. Since September 2023, the locality has enforced a mandatory regulation prohibiting tourists and residents from bringing plastic bags and single-use plastic products onto the island, marking a significant turning point in marine environmental management. The results demonstrate strong coordination across the political system, along with active participation from transport operators, tourism businesses, and the local community-exemplified by the “Green Thursday Afternoon” initiative-thereby achieving a waste collection rate of over 99% by 2025.

Based on this practice, the paper proposes several policy implications to promote the transition toward a circular economy, including: (1) applying advanced zero-

emission waste treatment technologies on Co To and Thanh Lan islands; (2) transitioning to environmentally friendly materials, particularly HDPE, in sustainable mariculture; and (3) accelerating the digitalization of environmental management in association with the development of high-quality, green tourism. The study affirms that reducing plastic waste is not only an environmental solution but also a critical foundation for building and positioning the brand of “Co To - a green, safe, and happy island special zone” in the new development context.

**Keywords:** *Co To, Green Special Zone, Plastic Waste, Circular Economy, Marine Biodiversity Conservation.*

## 1. Đặt vấn đề

Đặc khu Cô Tô đang bước vào giai đoạn phát triển có tính bản lề với định hướng trở thành “đặc khu kinh tế biển xanh”, trung tâm du lịch nghỉ dưỡng sinh thái chất lượng cao và mô hình tiêu biểu về chuyển đổi xanh tại khu vực phía Bắc (UBND đặc khu Cô Tô, 2025a). Với vị trí tiền tiêu có ý nghĩa đặc biệt về quốc phòng - an ninh, địa phương đồng thời sở hữu nguồn tài nguyên sinh thái biển phong phú, trong đó nổi bật là các hệ sinh thái rạn san hô, rừng ngập mặn và nhiều loài sinh vật quý hiếm thuộc Khu bảo tồn biển Cô Tô - Đảo Trần (UBND tỉnh Quảng Ninh, 2020a). Đây là những lợi thế quan trọng, tạo nền tảng cho định hướng phát triển bền vững gắn với bảo tồn tài nguyên.

Tuy nhiên, quá trình gia tăng nhanh của hoạt động du lịch và phát triển kinh tế biển đã và đang tạo ra áp lực đáng kể đối với môi trường tự nhiên, đặc biệt là tình trạng ô nhiễm rác thải nhựa đại dương (Huyện ủy Cô Tô, 2021). Trong bối cảnh đó, nhận thức rõ vai trò nền tảng của môi trường đối với phát triển bền vững, Cô Tô đã chủ động thể chế hóa các giải pháp bảo vệ hệ sinh thái thông qua Đề án 175 về xây dựng huyện đảo không rác thải nhựa. Điểm đáng chú ý là cách tiếp cận này không dừng lại ở mức vận động mà đã được cụ thể hóa thành các quy định mang tính bắt buộc, đòi hỏi sự tham gia đồng bộ của các chủ thể liên quan, bao gồm doanh nghiệp vận tải, đơn vị lữ hành, hộ kinh doanh và cộng đồng dân cư (UBND huyện Cô Tô, 2023).

Thực tiễn triển khai cho thấy, việc kiểm soát và tiến tới loại bỏ nhựa dùng một lần đóng vai trò then chốt trong quá trình chuyển dịch sang mô hình kinh tế tuần hoàn tại địa phương. Theo đó, rác thải nhựa được tăng cường thu gom và xử lý triệt để; các vật liệu nuôi biển kém bền vững từng bước được thay thế bằng vật liệu thân thiện môi trường như nhựa HDPE; đồng thời, các công nghệ xử lý rác thải hiện đại theo hướng không phát thải được ưu tiên đầu tư và ứng dụng (UBND huyện Cô Tô, 2024). Những chuyển biến này không chỉ góp phần cải thiện chất lượng môi trường mà còn tạo tiền đề cho việc hình thành các chu trình sản xuất - tiêu dùng khép kín theo nguyên tắc của kinh tế tuần hoàn.

Trên cơ sở đó, bài viết tập trung phân tích các kết quả thực tiễn từ quá trình xây dựng mô hình “đặc khu không rác thải nhựa” tại đặc khu Cô Tô, đồng thời làm rõ những hàm ý chính sách nhằm hoàn thiện khung quản trị kinh tế tuần hoàn cho các đặc khu đảo ở Việt Nam. Qua đó, nghiên cứu góp phần khẳng định vai trò của giảm thiểu rác thải nhựa như một trụ cột trong chiến lược phát triển bền vững, hướng tới định vị thương

hiệu “Cô Tô - đặc khu biển đảo xanh, an toàn, hạnh phúc” trong bối cảnh phát triển mới (UBND đặc khu Cô Tô, 2025b).

## **2. Từ chính sách đến hình thành nếp sống cộng đồng ở Cô Tô**

### **2.1. *Thế chế hóa nỗ lực giảm thiểu nhựa thông qua Đề án 175***

Thay vì dừng lại ở các hoạt động tuyên truyền, đặc khu Cô Tô đã lựa chọn cách tiếp cận mang tính đột phá khi thế chế hóa các quy định bảo vệ môi trường thông qua Đề án 175 (Huyện ủy Cô Tô, 2021). Trọng tâm của quá trình triển khai là việc ban hành và thực thi chính sách bắt buộc đối với cả người dân và du khách, theo đó không được mang túi nilon, sản phẩm nhựa dùng một lần và các vật liệu có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường ra đảo. Quy định này chính thức có hiệu lực từ ngày 15/9/2023, đánh dấu bước chuyển từ vận động tự nguyện sang cơ chế quản lý mang tính bắt buộc (UBND huyện Cô Tô, 2023).

Song song với đó, chính quyền địa phương đã xác lập lộ trình cụ thể với mục tiêu đến năm 2025, 100% cơ quan, đơn vị, trường học và hộ gia đình trên địa bàn không phát sinh rác thải nhựa không tái chế (Huyện ủy Cô Tô, 2021). Việc kiểm soát được triển khai ngay từ “đầu vào”, đặc biệt tại các bến tàu cao tốc – cửa ngõ kết nối đất liền với đảo, qua đó đòi hỏi sự tuân thủ nghiêm ngặt và cam kết trách nhiệm từ các đơn vị vận tải hành khách.

### **2.2. *Sự tham gia của các chủ thể kinh tế – xã hội***

Hiệu quả của mô hình “đặc khu không rác thải nhựa” tại Cô Tô được củng cố bởi sự tham gia đồng bộ của nhiều chủ thể trong hệ thống kinh tế - xã hội. Trước hết, các đơn vị vận tải hành khách giữ vai trò kiểm soát tuyến đầu khi thực hiện cam kết không vận chuyển các sản phẩm nhựa bị cấm, đồng thời tăng cường truyền thông trực quan cho hành khách thông qua các phương tiện như video hướng dẫn bảo vệ môi trường trong hành trình ra đảo (UBND huyện Cô Tô, 2023).

Bên cạnh đó, khu vực doanh nghiệp và hộ kinh doanh cũng có sự chuyển đổi rõ rệt. Toàn bộ các cơ sở lưu trú, nhà hàng và tiểu thương tại Trung tâm Thương mại Cô Tô đã cam kết không sử dụng và kinh doanh túi nilon, đồ nhựa dùng một lần, thay thế bằng các loại vật liệu thân thiện với môi trường như túi giấy, túi vải và vật liệu sinh học (UBND huyện Cô Tô, 2023). Đồng thời, hệ thống giáo dục đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành nhận thức và hành vi môi trường cho thế hệ trẻ, thông qua việc lồng ghép nội dung giảm thiểu rác thải nhựa trong hoạt động dạy và học (Huyện ủy Cô Tô, 2021).

### **2.3. *Phong trào “Chiều thứ Năm xanh” và vai trò của cộng đồng***

Một trong những điểm nhấn đáng chú ý trong thực tiễn triển khai tại Cô Tô là phong trào “Chiều thứ Năm xanh”. Hoạt động này được duy trì định kỳ hằng tuần với sự tham gia của cán bộ, chiến sĩ và người dân địa phương, tập trung vào các hoạt động như tổng vệ sinh môi trường, thu gom rác thải tại các bãi biển và xử lý các hình thức quảng cáo gây mất mỹ quan (UBND đặc khu Cô Tô, 2025a). Không chỉ góp phần cải thiện cảnh quan môi trường theo hướng “sáng – xanh – sạch – đẹp”, phong trào còn

đóng vai trò nâng cao các tiêu chí môi trường trong xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu và đô thị văn minh tại địa phương (UBND huyện Cô Tô, 2024b).

#### **2.4. Kết quả thực tiễn**

Quá trình triển khai đồng bộ và quyết liệt đã mang lại những kết quả đáng ghi nhận về mặt môi trường. Đến năm 2025, tỷ lệ thu gom và xử lý rác thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đạt trên 99%, cơ bản giải quyết tình trạng rác thải nhựa tồn lưu trong khu dân cư (UBND đặc khu Cô Tô, 2025a). Đồng thời, địa phương đang hướng tới mục tiêu thu gom và xử lý 100% rác thải đại dương tại các bãi biển và điểm du lịch trọng điểm (UBND đặc khu Cô Tô, 2025b).

Song song với kiểm soát rác thải nhựa, các nỗ lực bảo vệ và phục hồi hệ sinh thái cũng được chú trọng. Đặc biệt, huyện đảo đặt mục tiêu duy trì tỷ lệ che phủ rừng trên 50% nhằm bảo vệ nguồn nước, giảm thiểu tác động của thiên tai và bảo tồn đa dạng sinh học (UBND đặc khu Cô Tô, 2025a). Những kết quả này cho thấy tính hiệu quả của cách tiếp cận tích hợp giữa quản lý chất thải và bảo vệ hệ sinh thái trong định hướng phát triển bền vững tại địa phương.

### **3. Hàm ý chính sách hướng tới mô hình kinh tế tuần hoàn tại Cô Tô**

#### **3.1. Đổi mới công nghệ xử lý chất thải và quản lý tài nguyên bền vững**

Thực tiễn kiểm soát rác thải nhựa tại Cô Tô cho thấy nhu cầu cấp thiết phải chuyển đổi phương thức quản trị chất thải theo hướng hiện đại và bền vững. Thay vì phụ thuộc vào các giải pháp chôn lấp truyền thống - vốn gây áp lực lớn lên quỹ đất và tiềm ẩn nguy cơ ô nhiễm nguồn nước ngọt trên đảo - địa phương đang định hướng chuyển dịch sang các công nghệ xử lý theo nguyên tắc tuần hoàn, không phát thải (UBND đặc khu Cô Tô, 2025a).

Trong bối cảnh đó, một hàm ý chính sách quan trọng là ưu tiên đầu tư hệ thống xử lý rác thải hiện đại tại các đảo trung tâm như Cô Tô lớn và Thanh Lân, với khả năng tích hợp các công đoạn tái chế và thu hồi năng lượng từ chất thải (UBND huyện Cô Tô, 2024b). Đồng thời, việc bảo vệ và phục hồi các hệ sinh thái tự nhiên, đặc biệt là rừng và rạn san hô, được xác định là nền tảng duy trì vòng tuần hoàn tài nguyên, góp phần tăng nguồn sinh thủy và ổn định cân bằng sinh thái cho khu vực (UBND đặc khu Cô Tô, 2025b).

#### **3.2. Thúc đẩy chuyển dịch xanh trong kinh tế biển**

Một trong những hàm ý chính sách nổi bật từ thực tiễn Cô Tô là sự gắn kết giữa bảo vệ môi trường và đổi mới mô hình sản xuất trong lĩnh vực thủy sản. Theo đó, địa phương đã xây dựng lộ trình thay thế toàn bộ vật liệu lồng bè truyền thống bằng nhựa HDPE – loại vật liệu có độ bền cao, thân thiện môi trường và có khả năng tái chế (UBND huyện Cô Tô, 2024a).

Chính sách này không chỉ góp phần giảm thiểu nguồn phát thải nhựa từ hoạt động nuôi biển mà còn tạo điều kiện hình thành các mô hình kinh tế cộng sinh, kết hợp giữa nuôi trồng thủy sản bền vững và phát triển du lịch trải nghiệm có trách nhiệm (UBND

đặc khu Cô Tô, 2025b). Bên cạnh đó, việc quy hoạch khoa học các vùng nuôi biển với quy mô hơn 5.100 ha đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo sự hài hòa giữa khai thác kinh tế và bảo tồn đa dạng sinh học trong phạm vi Khu bảo tồn biển (UBND tỉnh Quảng Ninh, 2020a).

### ***3.3. Số hóa quản trị môi trường gắn với phát triển du lịch chất lượng cao***

Việc triển khai mô hình kinh tế tuần hoàn tại Cô Tô được hỗ trợ bởi quá trình chuyển đổi số trong quản lý môi trường và du lịch. Cụ thể, các nền tảng số như mini app “Cô Tô Digital” cho phép theo dõi sức tải môi trường, giám sát các biến động sinh thái và hỗ trợ ra quyết định quản lý hiệu quả hơn (UBND đặc khu Cô Tô, 2025a).

Trên phương diện chiến lược, địa phương kiên định định hướng phát triển du lịch theo nguyên tắc “giảm lượng, tăng chất”, tập trung thu hút phân khúc khách du lịch có nhu cầu nghỉ dưỡng cao cấp, lưu trú dài ngày, đồng thời hạn chế các tour giá rẻ gây áp lực lên hạ tầng và môi trường (UBND huyện Cô Tô, 2024b). Cách tiếp cận này cho phép chuyển hóa giá trị của hệ sinh thái “không rác thải nhựa” thành lợi thế cạnh tranh khác biệt, góp phần nâng cao giá trị thương hiệu du lịch biển đảo (UBND đặc khu Cô Tô, 2025b).

### ***3.4. Hoàn thiện cơ chế đặc thù thúc đẩy đầu tư xanh***

Để đảm bảo tính bền vững của mô hình kinh tế tuần hoàn, thực tiễn tại Cô Tô đặt ra yêu cầu xây dựng các cơ chế chính sách đặc thù về tài chính và quản lý tài nguyên. Theo đó, địa phương đang đề xuất các khung thể chế linh hoạt nhằm thu hút nguồn lực xã hội hóa, đặc biệt thông qua các hình thức hợp tác công – tư (PPP) và các dòng vốn đầu tư xanh cho phát triển hạ tầng môi trường (UBND đặc khu Cô Tô, 2025b).

Bên cạnh đó, việc gắn trách nhiệm của doanh nghiệp trong lĩnh vực du lịch và vận tải vào chuỗi giá trị tuần hoàn được xem là giải pháp quan trọng nhằm giảm chi phí xử lý môi trường, đồng thời tạo ra giá trị gia tăng thông qua tái sử dụng và tối ưu hóa tài nguyên ngay tại địa phương (UBND đặc khu Cô Tô, 2025a).

## **4. Khẳng định thương hiệu “Đặc khu biển đảo xanh, an toàn, hạnh phúc”**

### ***4.1. Bảo tồn đa dạng sinh học – nền tảng cốt lõi của phát triển bền vững***

Thực tiễn triển khai mô hình “đặc khu không rác thải nhựa” tại Cô Tô cho thấy, bảo tồn đa dạng sinh học không chỉ dừng lại ở mục tiêu môi trường mà còn giữ vai trò như một “tài sản chiến lược” cho phát triển dài hạn. Việc bảo vệ nghiêm ngặt các hệ sinh thái trọng yếu như rạn san hô, rừng ngập mặn và các loài sinh vật biển quý hiếm trong Khu bảo tồn biển Cô Tô – Đảo Trần đã tạo nền tảng quan trọng để thu hút đầu tư xanh và phát triển các sản phẩm du lịch sinh thái chất lượng cao (UBND tỉnh Quảng Ninh, 2020a).

Đồng thời, cách tiếp cận này góp phần nâng cao khả năng chống chịu của hệ sinh thái trước tác động của biến đổi khí hậu và các hiện tượng thời tiết cực đoan, qua đó đảm bảo tính bền vững cho toàn bộ cấu trúc kinh tế - xã hội của đặc khu (UBND đặc khu Cô Tô, 2025b).

#### **4.2. Kiên định mô hình du lịch “giảm lượng, tăng chất”**

Mô hình phát triển tại Cô Tô thể hiện rõ quan điểm nhất quán: không đánh đổi môi trường để lấy tăng trưởng ngắn hạn. Theo đó, đặc khu kiên trì định hướng thu hút phân khúc khách du lịch có mức chi tiêu cao, thời gian lưu trú dài và ý thức bảo vệ môi trường, đồng thời kiểm soát chặt chẽ các loại hình du lịch đại trà gây áp lực lên hạ tầng và tài nguyên (UBND huyện Cô Tô, 2024b).

Việc tích hợp các yếu tố của kinh tế tuần hoàn vào chuỗi giá trị du lịch - từ mô hình nuôi biển công nghệ cao đến phát triển làng du lịch thông minh - không chỉ tạo ra trải nghiệm khác biệt mà còn nâng cao giá trị gia tăng cho ngành du lịch địa phương. Đây chính là cơ sở để từng bước định vị Cô Tô trở thành trung tâm nghỉ dưỡng sinh thái chất lượng cao trong khu vực (UBND đặc khu Cô Tô, 2025a).

#### **4.3. Phát huy sức mạnh nội sinh từ cộng đồng địa phương**

Yếu tố quyết định cho sự thành công bền vững của Đề án 175 và chiến lược kinh tế tuần hoàn tại Cô Tô nằm ở vai trò trung tâm của cộng đồng. Khi các sáng kiến như phong trào “Chiều thứ Năm xanh” được duy trì thường xuyên và chuyển hóa thành nếp sống, ý thức bảo vệ môi trường đã trở thành giá trị văn hóa cốt lõi của người dân địa phương.

Chính con người Cô Tô – với hình ảnh thân thiện, trách nhiệm và gắn bó với biển - là những “đại sứ sống” góp phần lan tỏa thương hiệu “đặc khu xanh, an toàn, hạnh phúc” (UBND đặc khu Cô Tô, 2025b). Đây cũng là nền tảng để địa phương duy trì vị thế là điểm sáng về an ninh, an toàn và phát triển bền vững trong khu vực biển đảo phía Bắc (UBND đặc khu Cô Tô, 2025a).

Tóm lại, có thể khẳng định rằng Cô Tô đang từng bước định hình một mô hình phát triển đặc khu kiểu mẫu cho Việt Nam: lấy mục tiêu “không rác thải nhựa” làm đột phá chính sách, vận hành theo nguyên lý kinh tế tuần hoàn và hướng tới mục tiêu tối thượng là nâng cao chất lượng sống và hạnh phúc của người dân gắn với một hệ sinh thái biển bền vững.

### **5. Kết luận**

Thực tiễn triển khai tại Cô Tô cho thấy, việc xây dựng mô hình “đặc khu không rác thải nhựa” không đơn thuần là một chiến dịch môi trường mang tính ngắn hạn, mà là một chiến lược phát triển tổng thể, có tính hệ thống và định hướng dài hạn. Thông qua Đề án 175, địa phương đã thể chế hóa hiệu quả các quy định bảo vệ môi trường, chuyển hóa các cam kết tự nguyện thành chuẩn mực hành vi bắt buộc đối với du khách, doanh nghiệp và cộng đồng dân cư, qua đó tạo nền tảng quản trị môi trường đồng bộ và bền vững (Huyện ủy Cô Tô, 2021; UBND huyện Cô Tô, 2023).

Từ thực tiễn này, quá trình chuyển dịch từ kiểm soát rác thải nhựa sang phát triển kinh tế tuần hoàn tại Cô Tô mang lại nhiều hàm ý chính sách quan trọng cho các đặc khu biển đảo ở Việt Nam.

*Thứ nhất*, môi trường trong lành và hệ sinh thái biển đa dạng cần được nhìn nhận như “tài sản chiến lược” cốt lõi. Việc bảo vệ nghiêm ngặt các hệ sinh thái như rạn san hô và rừng ngập mặn trong Khu bảo tồn biển Cô Tô – Đảo Trần không chỉ góp phần bảo tồn đa dạng sinh học mà còn tạo nền tảng để phát triển du lịch sinh thái chất lượng cao và thu hút các dòng vốn đầu tư xanh (UBND tỉnh Quảng Ninh, 2020a; UBND đặc khu Cô Tô, 2025b).

*Thứ hai*, kinh tế tuần hoàn chỉ có thể được hiện thực hóa khi gắn với đổi mới công nghệ và phương thức sản xuất. Việc chuyển đổi sang vật liệu nuôi biển HDPE và định hướng xây dựng các cơ sở xử lý chất thải theo công nghệ không phát thải là những bước đi mang tính đột phá, giúp giảm thiểu rác thải nhựa ngay từ nguồn và tối ưu hóa vòng đời tài nguyên (UBND huyện Cô Tô, 2024; UBND đặc khu Cô Tô, 2025a).

*Thứ ba*, yếu tố con người và cộng đồng đóng vai trò trung tâm trong đảm bảo tính bền vững của mô hình. Các sáng kiến như “Chiều thứ Năm xanh” kết hợp với ứng dụng công nghệ số như mini app “Cô Tô Digital” đã góp phần hình thành một hệ sinh thái quản trị môi trường hiện đại, minh bạch và có sự tham gia rộng rãi của xã hội (UBND đặc khu Cô Tô, 2025a; UBND đặc khu Cô Tô, 2025b).

Trong tầm nhìn đến năm 2030 và xa hơn, Cô Tô không chỉ hướng tới các mục tiêu tăng trưởng kinh tế mà còn đặt trọng tâm vào việc khẳng định thương hiệu “Đặc khu biển đảo xanh, an toàn, hạnh phúc” (UBND đặc khu Cô Tô, 2025b). Với định hướng phát triển “giảm lượng, tăng chất”, mô hình của Cô Tô đang trở thành hình mẫu tiêu biểu cho sự kết hợp hài hòa giữa bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và phát triển kinh tế bền vững, qua đó đóng góp thiết thực vào chiến lược phát triển kinh tế biển của Việt Nam.

## **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Huyện ủy Cô Tô. (2021). Quyết định số 175/QĐ/HU ngày 04/6/2021 về việc phê duyệt Đề án “Huyện đảo Cô Tô không có rác thải nhựa”.
2. UBND đặc khu Cô Tô. (2025a). Báo cáo số 321/BC-UBND ngày 12/12/2025 về tình hình kinh tế - xã hội năm 2025 và nhiệm vụ trọng tâm năm 2026.
3. UBND đặc khu Cô Tô. (2025b). Báo cáo số 338/BC-UBND về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2026-2030.
4. UBND huyện Cô Tô. (2023). Quyết định số 1083/QĐ-UBND ngày 12/9/2023 về việc ban hành Quy chế phân công nhiệm vụ thực hiện Đề án 175 (giai đoạn 2).
5. UBND huyện Cô Tô. (2024). Quyết định số 242/QĐ-UBND ngày 22/3/2024 về việc phê duyệt Đề án phát triển nuôi thủy sản trên biển (sử dụng không gian) huyện Cô Tô đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.
6. UBND tỉnh Quảng Ninh. (2020a). Quyết định số 1614/QĐ-UBND ngày 19/5/2020 về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết Khu bảo tồn biển Cô Tô, Đảo Trần, tỉnh Quảng Ninh.
7. UBND tỉnh Quảng Ninh. (2020b). Quyết định số 3898/QĐ-UBND ngày 09/10/2020 về việc phê duyệt quy hoạch chung xây dựng tỷ lệ 1/10.000 huyện đảo Cô Tô, tỉnh Quảng Ninh đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050.